TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn K;

2. Bà Vũ Thị T.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST – HNGĐ ngày 08/10/2024về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 "có mặt".

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991"có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021"vắng mặt".

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã N(nay là thị trấn V), huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị V là bố mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng:

- Bà Mai Thị Phương Hoa, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn T, xã N(nay là thị trấn V), huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đội 6, thôn B, xã H, huyện Q, Hà Nội.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 20/4/2021 theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống anh chị không bàn bạc, thống nhất được các vấn đề nên thường bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân do anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên chơi bời, nợ nần. Bản thân chị V và gia đình cũng đã nhiều lần động viên khuyên bảo anh T mong anh T thay đổi để tập trung xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh T không quan tâm đến sự khuyên bảo của gia đình, động viên của của chị V, anh T không thay đổi. Từ đó anh chị cãi nhau nhiều hơn, mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh T thường xuyên xúc phạm, miệt thị ngữ âm vùng miền đối với chị(do quê gốc của chị ở Hà Tây cũ), anh T cho đó là văn hóa thấp. Anh T còn dùng vũ lực, đánh đập và dọa giết chị V nên chị V đã phải trốn chạy trong đêm về nhà bố mẹ đẻ của chị. Do không chịu được áp lực nên chị không quan tâm đến cuộc sống của anh T nữa và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập. Mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị V xác định không còn tình cảm với anh T, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị V kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị V xác định, anh chị có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bản tự khai và lời khai của anh Trần Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án:*Anh T thống nhất với chị V về thời điểm kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh T thì đó là những mâu thuẫn nhỏ vẫn có thể khắc phục được. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn cũng do lỗi của anh T chưa thực sự chăm lo, quan tâm đến chị V, vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh T mong muốn con có một gia đình đầy đủ bố mẹ nên anh T xin được đoàn tụ. Nếu chị V kiên quyết ly hôn với anh T thì tùy chị V quyết định vì anh T chỉ giữ người ở chứ không giữ người đi.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021. Hiện tại anh T đón cháu lên Hà Nội để nuôi dưỡng.

Trong trường hợp chị V kiên quyết ly hôn anh T mong muốn được nuôi dưỡng cháu và tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con với

anh. Anh T có quan điểm hiện cháu H đang học tập tại Hà Nội nên dù ai nuôi cháu cũng phải đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu và không đưa cháu về quê mà phải để cháu được học tập và phát triển tại Hà Nội. Trong trường hợp chị V nuôi con mà không cho con học tập tại Hà Nội thì anh có quyền thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của chị V và bà Mai Thị Phương H là mẹ đẻ của anh T xác định: Hôn nhân giữa chị V và anh T bất đồng quan điểm, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế không tập trung, anh T có chơi bời nợ nần và gia đình anh T phải lo trang trải nợ nần cho anh T, gia đình đã kHên giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không duy trì được hạnh phúc.

Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh T quan điểm của bà L, bà H:

-Về tình cảm: Hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định.

- Về con chung: Bà L đề nghị Tòa án giao cho chị V được nuôi cháu H vì cháu H còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Gia đình bà cam đoan sẽ trông nom, chăm sóc cháu H để tạo điều kiện cho chị V đi làm, đảm bảo cho cháu H có cuộc sống tốt nhất; Bà H cũng đề nghị giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng.

Xác minh tại UBND xã N(nay là thị Trấn V), huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết: Chị V và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2021 ngày 20/4/2021. Sau khi kết hôn, chị V và anh Thạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã N, anh T làm tự do xa nhà, thỉnh thoảng anh T vẫn về địa phương. Nay chị Nguyễn Thị V có đơn xin ly hôn với anh Trần Quốc T, quan điểm của UBND xã N là đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị V và anh T: Anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai nên hòa giải không thành.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến anh T đánh đập, chửi bới chị V, lần gần nhất vợ chồng mâu thuẫn anh T đã cầm mũ bảo hiểm xe máy ném vào đầu chị Vdẫn đến chị V phải điều trị tại bệnh viện Đa khoa huyện Q, thành phố Hà Nội từ ngày 26/11/2024 đến ngày 28/11/2024. Nay anh chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể chung sống được với nhau nên thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021. Anh T và chị V đều muống nuôi con chung.

Trường hợp: - Chị V được nuôi cháu H, chị V yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị theo quy định của pháp luật;

- Anh T được nuôi cháu H, anh T tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi chị V và anh T kết hôn, anh T không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan điểm bất đồng nên vợ chồng không thể dung hòa, không chia sẻ và hôn nhân không có hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh chị thuận tình ly hôn là phù hợpphù hợp với điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021. Do cháu H còn rất nhỏ, được pháp luật bảo vệ. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị V, anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Quốc T có nơi cư trú tại xã N(nay là thị trấn V), huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Quốc T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N(nay là thị trấn V), Hhuyn T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2021 ngày 20/4/2021 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi, đánh nhau, không có sự chia sẻ, không thấu hiểu và không thông cảm cho nhau. Anh T không tôn trọng và còn đánh chị V. Anh T chơi bời, nợ nần mặc dù gia đình và chị V khuyên bảo, chị V cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thay đổi. Quá trình chung sống anh chị không có tiếng nói chung, vợ chồng vẫn mâu thuẫn trong cách nghĩ và việc làm cũng như việc định hướng nuôi dạy con, anh chị cãi nhau thường xuyên hơn, mâu thuẫn trầm trọng nên

anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không phụ thuộc nhau về kinh tế. Đến nay anh chị đềuxác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên thuận tình ly hôn.Việc thuận tình của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021. Hiện tại anh T đón cháu lên Hà Nội để nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của chị V: Chị V có thu nhập ổn định với mức lương là 9.000.000đồng/1 tháng, chị tha thiết xin được nuôi con chung. Đến ngày hôm nay cháu H mới được 37 tháng 02 ngày tuổi vẫn ở độ tuổi cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ và được pháp luật bảo vệ nên HĐXX sẽ giao cháu H cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị V đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy tại phiên tòa anh T trình bày do anh làm thợ điện lạnh trên Hà Nội thu nhập khoảng 20.000.000đồng/1tháng nên HĐXX buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đồng/1tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Gia H đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu xin nuôi con chung của anh T. HĐXX xét thấy, hiện cháu gia H được 37 tháng 02 ngày, cháu còn rất nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ nên HĐXX không chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Trần Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân:Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Trần Quốc T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Quốc T có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/11/2021.

Giao cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hđủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị V số tiền 1.500.000đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Gia H đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh T không thi hành thì còn phải chịu lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- ***Về tài sản chung:*** Các đương sự đều khẳng định không có nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- ***Về án phí:*** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai có ký hiệu BLTU/24 số 0001030 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.Chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Bị đơn anh Trần Quốc T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn; Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Có mặt người đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKS Hện T
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Chi cục THADS Hện T
- UBND thị trấn V(N cũ)Đăng ký kết hôn số 06 ngày 20/4/2021)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh N